

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 9 - 2017.
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng.

- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2017/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXX - ST ngày 22/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị L – Sinh năm 1968;

Địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T - Sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 05/6/2017 cũng như lời khai chị Bùi Thị L tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Phạm Văn T vào tháng 4/2001 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T ham chơi cờ bạc, rượu chè, thường xuyên ngược đãi chửi bới vợ con, mặc dù chị đã nhiều lần động viên khuyên giải nhưng anh T vẫn không thay đổi. Do không chịu đựng được nên chị L đã phải bế con bỏ ra khỏi nhà, vợ chồng chị ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không

còn mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung chị Bùi Thị L trình bày: Giữa chị và anh T có một con chung là cháu Phạm Văn T, sinh ngày 24/11/2001, từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi cháu Phạm Văn T và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Về T sản chung của vợ chồng chị L khai vợ chồng chị không có T sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị L đề nghị giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt nhưng qua làm việc với đại diện gia đình anh T là bà Nguyễn Thị T (Mẹ đẻ của anh T) thể hiện: Do anh T đi làm ăn xa, không có địa chỉ cố định lên không thể nhận các văn bản tố tụng của Tòa án huyện N được vì vậy bà đã nhận thay cho anh T. Sau khi bà T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án huyện bà đã thông báo và giao các văn bản tố tụng đó cho anh T nhưng vì bận công việc nên anh T không về Tòa án huyện N để giải quyết vụ án được. Theo bà T thì anh T đã nhờ gia đình có ý kiến với Tòa án huyện về quan điểm của anh T như sau: Anh T nhất trí ly hôn với chị Bùi Thị L, về con chung anh nhất trí để chị L nuôi con chung là cháu Phạm Văn T, sinh ngày 24/11/2001 và anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L; về T sản chung và công nợ chung vợ chồng không có anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh T không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử lý hôn giữa chị Bùi Thị L với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Chị Bùi Thị L với anh Phạm Văn T có một con chung là cháu Phạm Văn T, sinh ngày 24/11/2001, từ khi vợ chồng ly hôn con T do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Văn T và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh T có ý kiến nhất trí. Xét nguyện vọng của chị L thấy kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng vì vậy giao con chung cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị L không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của pháp luật được chấp nhận.

- Về T sản chung: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn T đều thống nhất xác định vợ chồng không có T sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn T vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án huyện N đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do vậy việc Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn T vào tháng 4 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do anh T hay chơi bời, rượu chè không quan tâm đến vợ con. Mặc dù chị L đã nhiều lần động viên khuyên giải nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến năm 2004 thì chị L bỏ nhà đi làm ăn, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Anh Phạm Văn T đã nhờ gia đình trình bày quan điểm của anh T là anh nhất trí ly hôn chị L. Xét thấy trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị L có đơn xin ly hôn anh T nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn T đều xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Văn T, sinh ngày 24/11/2001, từ khi vợ chồng ly thân con T do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, anh T có ý kiến do cháu T đã gần đủ 18 tuổi nên cháu có nguyện vọng ở với ai thì tùy cháu. Xét nguyện vọng của chị L thấy kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác cháu T cũng có nguyện vọng xin được ở với chị L vì vậy giao con chung cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị L không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của pháp luật được chấp nhận.

[4] Về T sản chung vợ chồng: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn T đều xác định vợ chồng không có T sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn T.

[2] Về con chung: Xử giao cháu Phạm Văn T, sinh ngày 24/11/2001 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số BB/2012/06067 ngày 29/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

(đã ký)

Phạm Hùng Phương